

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ MỸ HÀO
TỈNH HƯNG YÊN

Số: 100/2020/QĐST- HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mỹ Hào, ngày 25 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213; khoản 2 Điều 149; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 73, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 90/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*** Người yêu cầu:** Anh Vũ Xuân Đ, sinh năm 1981.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1988.

2. Cháu Vũ Nguyễn Bảo N, sinh ngày 17/8/2007.

Đều địa chỉ: Tổ dân phố N, phường D, thị xã M, tỉnh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Vũ Xuân Đ và chị Nguyễn Thị P đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện M (*Nay là phường D, thị xã M*), tỉnh H năm 2006 và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn là đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Nay anh Đ và chị P yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự nên đây là yêu cầu về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người yêu cầu là anh Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị P đều có địa chỉ cư trú tại phường D, thị xã M, tỉnh H nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên theo điểm b khoản 2 Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị P đều xác định, trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, thời điểm mâu thuẫn vào đầu năm 2018 và liên tục cho đến nay. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm

sống, không thống nhất trong việc làm ăn xây dựng kinh tế gia đình nên vợ chồng rất nhiều lần xảy ra to tiếng, cãi vã. Trong năm 2018, anh Đ đã làm đơn ly hôn nhưng sau đó đã tự nguyện rút đơn khởi kiện và Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, vợ chồng về đoàn tụ. Tuy nhiên, cho đến nay tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Thực tế vợ chồng ly thân từ đầu tháng 3 năm 2020, không ai quan tâm đến ai nên việc hòa giải đoàn tụ không thành. Vì vậy, anh chị đã thống nhất làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[3] Về con chung: Anh Đ và chị P có 01 con chung là cháu Vũ Nguyễn Bảo N, sinh ngày 17/8/2007. Khi ly hôn, anh Đ và chị P thỏa thuận giao cháu N cho anh Đ nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi thành niên và chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản, vay nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Anh Đ và chị P đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh Đ và chị P thỏa thuận là anh Đ tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Vũ Xuân Đ và chị Nguyễn Thị P thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Anh Vũ Xuân Đ và chị Nguyễn Thị P có 01 con chung là cháu Vũ Nguyễn Bảo N, sinh ngày 17/8/2007. Anh Đ và chị P thỏa thuận giao cháu N cho anh Đ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên và chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị P có quyền thăm và chăm sóc con chung; không ai được cản trở chị P thực hiện quyền này.

Anh Đ và chị P có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

- **Về tài sản chung, vay nợ, công sức và ruộng nông nghiệp:** Anh Đ và chị P đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Anh Đ và chị P thỏa thuận là anh Đ tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng anh Đ đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0004274 ngày 30/07/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã M, tỉnh H. Anh Đ đã nộp xong lệ phí sơ thẩm ly hôn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Mỹ Hào;
- Chi cục T.H.A DS thị xã Mỹ Hào;
- Phòng KTNV và THA - TAND tỉnh Hưng Yên;
- UBND phường Dị Sử;
- Lưu hồ sơ.

Trương Thế Dương